TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/DS-ST

Ngày: 13-8-2018

V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dệt

Ông Trần Văn Ân

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp 7, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2018).

**Bị đơn*: Ông Võ Thành L, sinh năm 1978.

Bà Phạm Thị N, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Ông A, ông L có mặt; bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Ông Nguyễn Văn T là chủ đại lý thức ăn Út T chuyên kinh doanh thức ăn gia súc. Trong thời gian từ ngày 02/4/2016 đến ngày 05/3/2018 ông T có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Võ Thành L và bà Phạm Thị N theo hình thức gối đầu, trả tiền sau mỗi

đợt xuất chuồng heo (mỗi đợt nuôi heo là khoảng 4 đến 5 tháng). Ông T giao thức ăn tận nhà theo yêu cầu của ông L và bà N, mỗi lần giao hàng ông L và bà N có ký xác nhận vào sổ theo dõi. Sau mỗi đợt bán heo ông L và bà N có thanh toán tiền thức ăn cho ông T nhưng không thanh toán đủ. Tính đến ngày 05/3/2018, ông L và bà N còn nợ số tiền thức ăn là 168.444.000 đồng và ngưng mua thức ăn của ông T mà chuyển sang mua thức ăn của đại lý khác. Ông T nhiều lần yêu cầu ông L và bà N trả số tiền này nhưng ông L và bà N không thanh toán nên ông T khởi kiện, đến ngày 08/6/2018 âm lịch ông L có thanh toán cho ông T số tiền 20.000.000 đồng. Ông T yêu cầu vợ chồng ông L và bà N liên đới trách nhiệm trả cho ông T số tiền mua thức ăn còn nợ là 148.444.000 đồng. Ông T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Thành L trình bày:

Ông L thừa nhận vào năm 2016 ông và vợ là bà N có mua thức ăn chăn nuôi heo của ông T như ông T trình bày. Ông và bà N chăn nuôi heo nhằm phát triển kinh tế gia đình. Hai bên thỏa thuận hình thức trả tiền gối đầu, sau khi xuất chuồng sẽ trả tiền thức ăn. Tuy nhiên do giá heo sụt giảm nên vợ chồng ông không thể trả tiền thức ăn cho ông T theo đúng thỏa thuận. Đến năm 2018, ông ngừng nuôi heo nên không còn mua thức ăn của ông T nữa. Hiện nay ông chỉ nuôi heo mướn cho em vợ của ông. Ông L và bà N thừa nhận còn nợ ông T 148.444.000 đồng tiền thức ăn, ông bà đồng ý trả cho ông T số tiền này nhưng do không có khả năng trả một lần mà xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng. Ông và bà N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, bà N có nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa của Tòa án nhưng do có con nhỏ nên bà N không thể đến Tòa được.

Bị đơn bà Phạm Thị N đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 152/2018/TB-TLVA ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt và cũng không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Tòa án và cũng không có yêu cầu phản tố, không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Võ Thành L và bà Phạm Thị N trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 168.444.000 đồng. Hiện tại ông L và bà N đang cư trú tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt thủ tục phiên tòa lần thứ hai cho bà N theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà

N vắng mặt không lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa ông Nguyễn Văn T và ông Võ Thành L thống nhất từ ngày 02/4/2016 đến ngày 05/3/2018 hai bên có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi. Mỗi lần giao thức ăn ông L và bà N đều có ký xác nhận vào sổ theo dõi. Khi mua bán hai bên thỏa thuận sau mỗi đợt bán heo sẽ trả tiền thức ăn, nhưng do thua lỗ nên ông L và bà N không thanh toán tiền thức ăn đúng hạn. Bà N vắng mặt, đã được Tòa án thông báo về nội dung khởi kiện của ông T, bà N không có văn bản phản đối. Đồng thời tại sổ theo dõi và cộng tiền bán thức ăn do ông T cung cấp có chữ ký xác nhận nợ tiền thức của bà Phạm Thị N và ông Võ Thành L là 168.444.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định việc mua bán thức ăn giữa ông T với ông L và bà N là có thật. Tại Tòa các bên thống nhất vào ngày 06/8/2018 âm lịch ông L đã trả cho ông T số tiền 20.000.000 đồng, hiện ông T yêu cầu ông L và bà N trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 148.444.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Bị đơn đồng ý trả số tiền này nhưng xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định " Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng". Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông L và bà N phải có nghĩa vụ thanh toán nợ là có cơ sở nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông L, bà N xin được trả dần số tiền trên thì ông T không đồng ý nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông L và bà N có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền là 148.444.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 288 của Bộ Luật dân sự 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận ông Nguyễn Văn T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Võ Thành L và bà Phạm Thị N phải liên đới nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 148.444.000 đồng x 5% = 7.422.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T đới với ông Võ Thành L và bà Phạm Thị N, cụ thể:

[1] Buộc ông Võ Thành L và bà Phạm Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 148.444.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Ghi nhận ông Nguyễn Văn T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành các khoản trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Võ Thành L và bà Phạm Thị N phải liên đới nộp là 7.422.200 đồng (bảy triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng).

- Chi cục thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.211.100 đồng (Bốn triệu hai trăm mười một nghìn một trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018181 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

[3] Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Phạm Thị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngoan